TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2019/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 4 năm 2019
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Chí Công**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Huỳnh Hưởng**; Bà **Nguyễn Thị Loan**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Cẩm Hường** - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2019/QĐXX-ST ngày 04 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Quốc V, sinh năm 1965

- Bị đơn: Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau

(Nguyên đơn, bị đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/3/2019, nguyên đơn Đặng Quốc V trình bày:

- *Về hôn nhân*: Ông và bà Nguyễn Kim T sống chung với nhau từ năm 1988, có làm đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, hôn nhân tự nguyện. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là trong thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung của gia đình không thể hàn gắn lại được, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau trong cuộc sống. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, ông xác định tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục được. Nay ông V yêu cầu được ly hôn với bà T.

- *Về con chung*: Có 01 người con chung tên Đặng Thị Ái L, sinh năm 1989 Hiện con đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngày 03/4/2019, ông V có đơn yêu cầu tòa án xét xử vắng mặt theo quy định; ông vẫn bảo lưu ý kiến đã trình bày trong đơn khởi kiện, mong Tòa án xem xét giải quyết.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 03/4/20189, bị đơn Nguyễn Kim T trình bày: Bà thống nhất đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- *Về hôn nhân*: Bà T đồng ý ly hôn với ông Đặng Quốc V

- *Về con chung*; *Về tài sản chung và nợ*: Bà thống nhất trình bày của ông V, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đồng thời bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho bà được vắng mặt theo quy định; bà vẫn bảo lưu ý kiến đã trình bày, mong Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn bà Nguyễn Kim T có nơi trú tại ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Đặng Quốc V khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bà Nguyễn Kim T. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; ông V là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự ông V là nguyên đơn, bà T là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông V và bà T có yêu cầu xét xử vắng mặt; căn cứ theo khoản 1, Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông V và bà T không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; ông bà đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét, mâu thuẫn giữa ông V và bà T là thực tế có xảy ra; đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ chồng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh V, cho anh V được ly hôn với chị T là phù hợp.

[3] *Về con chung:* Con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ:* Ông bà xác định tự thỏa thuận; nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc ông V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và khoản 3 Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238; Điều 235; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 56; Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Quốc V về việc ly hôn với bà Nguyễn Kim T.

Về hôn nhân: Không công nhận ông Đặng Quốc V và bà Nguyễn Kim T là vợ chồng.

2. Về án phí: Ông Đặng Quốc V phải nộp số tiền 300.000 đồng; ngày 28/3/2019 ông V đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002907 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu án phí.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Chí Công